

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số: 10/2020/HSPT
Ngày: 10/01/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng;

Các Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Minh và ông Trần Minh Nhật

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang – Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa : Ông
Nguyễn Quang Hiến - Kiểm sát viên Trung cấp

Ngày 10 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở TAND tỉnh Phú Yên xét xử công khai
phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2019/TLPT-HS ngày 21/01/2019 do có kháng
cáo của bị cáo và người bị hại đối với bản án sơ thẩm số: 22/2018/HSST ngày
13/11/2018 của TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Bị cáo có kháng cáo: **Trần Văn X-** sinh năm 1985; Trú tại: Xóm Cát, xã An
Hải, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Ngư nghiệp; Trình độ: Mù chữ; Cha:
Trần Văn L, sinh năm 1950, mẹ: Phan Thị S, sinh năm 1951; vợ: Nguyễn Thị Thu L,
sinh năm 1983, có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự:
Không; Nhân thân: Bị UBND xã An Hải, huyện Tuy An áp dụng biện pháp giáo dục
tại xã theo Quyết định số 118/QĐUB ngày 16/8/2005; Bị cáo tại ngoại, Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Xin có: Ông Ngô Minh Tùng – Luật sư Văn phòng
luật sư số 1, Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bị hại có kháng cáo: Anh Dương Văn T – sinh năm 1988, trú tại: Xóm
Cát, xã An Hải, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại Dương Văn T có:
Ông Nguyễn Hương Quê – Luật sư Văn phòng luật sư Phúc Luật, Đoàn luật sư tỉnh
Phú Yên. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Anh Trần Trọng C– sinh năm 1996; Vắng mặt.

-Anh Dương Văn T– sinh năm 1976; Có mặt.

-Anh Biện Văn V– sinh năm 1989; Vắng mặt.

-Anh Dương Văn T– sinh năm 1985; Có mặt.

Cùng trú tại: Xóm Cát, xã An Hải, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên

Người làm chứng:

1. Bà Tô Thị N, sinh năm 1965; Có mặt.
2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; Có mặt.
3. Dương Văn S, sinh năm 1974; Có mặt.
4. Trần Văn T, sinh năm 1988; Vắng mặt.
5. Huỳnh Thị Hồng V, sinh năm 1981; Có mặt.
6. Dương Thị T, sinh năm 1996; Vắng mặt.
7. Trần Văn H, sinh năm 1988; Vắng mặt.
8. Bùi Văn H, sinh năm 1969; Vắng mặt.
9. Nguyễn Thị Y, sinh năm 1941; Vắng mặt.
10. Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; Vắng mặt.
11. Trần Văn Q, sinh năm 1958; Vắng mặt.
12. Biện C, sinh năm 1979; Vắng mặt.
13. Trần Thị H, sinh năm 1992; Vắng mặt.
14. Trần Văn Y, sinh năm 1975; Vắng mặt.

Cùng trú tại: Xóm Cát, xã An Hải, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

15. Trần Thạch V, sinh năm 1983; Vắng mặt.
16. Nguyễn Minh T, sinh năm 1984; Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn Giai Sơn, xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Người giám định: Ông Lê Phú Sang – Giám định viên của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 31/8/2012, Biện Văn V, sinh năm 1988 trú thôn Xóm Cát, xã An Hải đang ngồi nhậu cùng với Dương Văn T, sinh năm 1985, Võ Thị Mỹ T, sinh năm 1991 tại bãi biển Xóm Cát, xã An Hải thì Trần Trọng C, sinh năm 1996 (trú cùng thôn với Biện Văn V) đến gây sự đánh nhau với Biện Văn V nên V rượt đuổi theo C để đánh thì được Trần Quốc T, sinh năm 1997 và Đào Văn P, sinh năm 1996 (trú cùng thôn với Biện Văn V) vào can ngăn. Sau đó C chạy về nhà nói lại sự việc bị V rượt đuổi đánh cho Trần Văn X và Trần Văn T, sinh năm 1988, (là anh ruột của C) rồi C cầm một đoạn tuýt sắt cùng T tiếp tục chạy ra bãi biển tìm V để đánh thì bị V dùng tay đánh C gây thương tích. Thấy V đánh C nên T đến can ngăn thì T dùng tay kẹp cổ T, sau đó T cùng V bỏ chạy, C, T đuổi theo T và V để đánh, do không tìm thấy T nên C,

T đến nhà T1, T dùng cây đập vỡ kính cửa nhà T2. Thấy T đập vỡ kính nhà anh ruột mình nên Dương Văn T3, sinh năm 1988 (em ruột T1) đến hỏi Thảo tại sao đập vỡ kính nhà T thì giữa T và T1 cãi nhau. Lúc này, Dương Văn S, Dương Văn T (là các anh ruột Dương Văn T), chị Huỳnh Thị Hồng V, sinh năm 1981 (vợ T), Trần Văn X, Nguyễn Minh T, sinh năm 1984 và Trần Thạch V, sinh năm 1983 cùng trú thôn Giai Sơn, xã An Mỹ, huyện Tuy An cũng có mặt. Tại đây, giữa chị V và X, T, C cãi nhau, V cầm khúc cây ném ra chỗ X, T, C và nói: “Cây đó, tui mày giỏi thì đánh đi”. Sau đó, tất cả đi về, còn T1 đi báo cáo với chính quyền địa phương về việc T đập vỡ kính của nhà T. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T1 về nhà thì thấy T và C đang cầm cây đứng trong nhà của mình, sợ bị đánh nên T1 quay ra thì gặp Trần Văn X cầm cây xông vào đánh trúng vào vùng đầu của T1 gây thương tích, do bị X đánh nên T1 nhặt một khúc cây gần đó đánh một cái trúng vào vùng trán và xượt xuống vùng sống mũi của Trần Văn X gây thương tích. X bỏ chạy ra ngoài được T và V đưa đi điều trị thương tích. Nghe tin Dương Văn T1 bị đánh nên S, Tánh đến nhà T1, S và C ôm vật nhau cả hai ngã xuống đất, T xông đến dùng tay đánh S và kéo C ra, lúc này T cũng vào can ngăn thì bị thương tích, nhưng không xác định được ai gây ra.

Bản giám định pháp ý số 319/PY-2012 ngày 22/10/2012 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Dương Văn T bị tác động bởi vật tày và vật có cạnh gây nên thương tổn. Tỷ lệ thương tích toàn bộ 14% (vĩnh viễn 2%, tạm thời 12%).

Bản giám định pháp ý số 320/PY-2012 ngày 22/10/2012 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Dương Văn T1 bị tác động bởi vật tày có cạnh gây nên thương tổn. Tỷ lệ thương tích toàn bộ 21% (vĩnh viễn 10%, tạm thời 11%).

Bản giám định pháp ý số 112/PY-2013 ngày 26/5/2013 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Trần Văn X bị tác động bởi vật tày có cạnh gây nên thương tổn. Tỷ lệ thương tích toàn bộ 12% (vĩnh viễn 12%).

Bản giám định pháp ý số 45/PY-2014 ngày 27/2/2014 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Trần Trọng C bị tác động bởi vật tày có cạnh gây nên thương tổn. Tỷ lệ thương tích toàn bộ 8% (vĩnh viễn 5%, tạm thời 3%).

Dương Văn S từ chối giám định thương tích.

Bản án sơ thẩm số: 22/2018/HSST ngày 13/11/2018 của TAND huyện Tuy An tuyên bị cáo phạm tội: “Cố ý gây thương tích” áp dụng khoản 2 Điều 104 của BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm đ khoản 2 Điều 134 và khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015; Điều 298 BLTTHS năm 2015;

Phạt: Trần Văn X - 02 năm tù, Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS ; Điều 590 BLDS;

Buộc bị cáo Trần Văn X phải bồi thường cho bị hại Dương Văn T1 16.102.000đ, cụ thể bao gồm các khoản: Tiền xe đi cấp cứu 1.000.000đ; tiền mất thu nhập của bị hại trong thời gian nằm viện và sau khi xuất viện 22 ngày x 150.000đ/ngày = 3.300.000đ; tiền công người nuôi trong thời gian nằm viện 12 ngày x

150.000đ/ ngày = 1.800.000đ; tiền bù đắp tổn thất tinh thần 05 tháng lương tối thiểu là 5 tháng x 1.390.000đ = 6.950.000đ; tiền viện phí 3.052.000đ

Bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, kiến nghị của Hội đồng xét xử và quyền kháng cáo.

Ngày 21/11/2018, bị cáo X kháng cáo kêu oan;

Ngày 26/11/2018, bị hại T1 kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường dân sự;

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Văn X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Bị cáo X không nhận tội, cho rằng quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo không có căn cứ. Đồng thời, bị cáo yêu cầu xử lý hành vi gây thương tích của người bị hại Dương Văn T1 đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo X trình bày: Kết quả điều tra và diễn biến tại phiên tòa không có căn cứ chứng minh được hành vi phạm tội của bị cáo, lời khai của người bị hại, người làm chứng bà Tô Thị N, Nguyễn Thị L không thống nhất, còn nhiều mâu thuẫn nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo không phạm tội. Đồng thời, xử lý về trách nhiệm hình sự của người bị hại Dương Văn T1 gây ra thương tích 12% đối với bị cáo X.

Bị hại Dương Văn T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX xem xét tăng mức bồi thường thiệt hại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại T1 trình bày: Thống nhất với như bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt. Về dân sự: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại, xem xét tăng mức bồi thường thiệt hại.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 356 BLTTHS năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, người bị hại – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Trọng C, Biện Văn V và người làm chứng Trần Văn T, Dương Thị T, Trần Văn H, Bùi Văn H, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị L, Trần Văn Q, Biện C, Trần Thị H, Trần Văn Ý, Trần Thạch V, Nguyễn Minh T vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, tuy nhiên họ đều đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, căn cứ Điều 351 BLTTHS năm 2015 tiếp tục xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Văn X, HĐXX nhận thấy:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn X không thừa nhận hành vi gây thương tích của bị cáo đối với người bị hại Dương Văn T1 theo mô tả tại bản án sơ thẩm xét xử, bị cáo khẳng định mình không phạm tội và xác định hiện nay bị cáo không còn nhớ diễn biến và tình tiết của vụ án nên đề nghị HĐXX căn cứ vào lời khai của bị cáo trước đây tại cơ quan điều tra để xét xử vụ án. Thấy rằng, quá trình điều tra, bị cáo X thừa nhận có tham gia cùng với anh C, anh T đánh lại anh em của người bị hại tại khu vực nhà ông T1 vào ngày 31/8/2012; khi đến bị cáo đã nhìn thấy C và T đang cãi vã và đánh nhau với anh em của T1, bị cáo có tham gia đánh lại anh em nhà bị hại Tho nhưng không biết có gây thương tích cho ai hay không (BL 165, 166, 167 và 171). Bị hại T1 khẳng định sau khi báo cáo chính quyền địa phương về việc T, C, X đập phá cửa kính nhà anh T, T1 về đến nhà thì thấy T1, C đang cầm cây đứng ở trong nhà nên T1 quay trở ra thì gặp X và bị X cầm cây xông tới đánh trúng vào vùng đầu của T gây thương tích, chảy máu. Những người làm chứng anh Trần Thạch V, Nguyễn Minh T là những người cùng nhóm với bị cáo X cũng xác nhận: Lúc đầu tại nhà ông T1, nhóm của bị cáo X chỉ cãi nhau với anh em nhóm người bị hại và tự kết thúc, bị cáo X, C, T về nhà ông L (cha của Xin), sau đó thì khoảng 18 giờ thì C, T và bị cáo X tiếp tục đến nhà ông T1, lúc này thì T2 và V nghe tiếng đánh nhau (BL 290, 294, 295, 296);

Xét bà Nguyễn Thị L, Tô Thị N là những người làm chứng trong vụ án, tuy lời khai tại các biên bản làm việc với CQ CSĐT Công an huyện Tuy An có một số điểm chưa chính xác, thống nhất nhưng cơ bản về nội dung chính đều xác định được bà N, bà L là những người hàng xóm của bị cáo Trần Văn X nên hoàn toàn có thể phân biệt được Trần Văn X với người khác, ở vị trí gần và không bị che khuất tầm nhìn nên bà L, bà N đã nhìn thấy rõ việc bị cáo X dùng cây đánh gây thương tích cho bị hại T1. Các lời khai này phù hợp với lời khai của bị hại T1 nên đây được xem là chứng cứ trực tiếp để chứng minh vết thương ở vùng đầu của bị hại T1 (có tỷ lệ thương tích 13%) là do bị cáo X gây ra. Ngoài ra, lời khai của anh Nguyễn Minh T, anh Trần Thạch V phù hợp với lời khai của bị hại T1 và bị cáo X về xác định thời gian bị cáo X có mặt và đánh nhau tại nhà ông T1.

Đối với lời khai của anh Trần Trọng Cường cho rằng thương tích của Tho là do anh Cường dùng cây tre đánh gây ra. Xét thấy, anh Cường có nhiều lời khai, lời khai trước và lời khai sau mâu thuẫn với nhau, mâu thuẫn với lời khai của bị cáo Xin, bị hại Tho và những người làm chứng nên không có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm; lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết quả giám định thương tích và các tài liệu là chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 18 giờ ngày 31/8/2012 tại Xóm Cát, xã An Hải, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, bị cáo Trần Văn X đã có hành vi dùng cây là hung khí nguy hiểm gây thương tích ở vùng đầu của người bị hại Dương Văn T1 gây thương tích với tỷ lệ thương tật 13% nên cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo X phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999; áp dụng khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 về áp dụng tình tiết có lợi cho người phạm tội thì hành vi phạm tội của bị cáo X được áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 là có

căn cứ, đúng tội, không oan. Do đó, không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo và ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX tuyên bị cáo Trần Văn Xin không phạm tội.

Bị cáo X là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận biết hành vi của mình là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn bất chấp, coi thường pháp luật, dùng hung khí nguy hiểm gây tổn hại sức khỏe của người bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an – xã hội ở địa phương và nhằm ngăn chặn loại tội phạm này đang xảy ra khá phổ biến hiện nay nên cần xử lý nghiêm khắc. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo khai báo quanh co, cố ý lẫn tránh các câu hỏi của cơ quan tiến hành tố tụng. Khi lượng hình, án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo, đồng thời áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, để phạt bị cáo 02 (hai) năm tù là phù hợp. Do đó, chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Văn X để có đủ thời gian giáo dục, cải tạo bị cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của người bị hại Dương Văn T1 và trình bày của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị hại đề nghị HĐXX xem xét tăng mức bồi thường thiệt hại, nhận thấy: Cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ chứng cứ liên quan đến quá trình điều trị thiệt hại sức khỏe của người bị hại liên quan đến 13% thương tích tại vùng đầu nên đã tính đúng, tính đủ để chấp nhận các khoản điều trị hợp lý có hóa đơn chứng từ theo quy định tại Điều 48 BLHS và Điều 590 BLDS để buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền 16.102.000đồng (cụ thể bao gồm các khoản: Tiền xe đi cấp cứu 1.000.000đ; tiền mất thu nhập của bị hại trong thời gian nằm viện và sau khi xuất viện 22 ngày x 150.000đ/ ngày = 3.300.000đ; tiền công người nuôi trong thời gian nằm viện 12 ngày x 150.000đ/ ngày = 1.800.000đ; tiền bù đắp tổn thất tinh thần 05 tháng lương tối thiểu là 05 tháng x 1.390.000đ/tháng = 6.950.000đ; tiền thuốc, viện phí 3.052.000đ) là phù hợp. Tuy nhiên, do mức lương cơ sở có sự thay đổi theo quy định tại Nghị định 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ nên xác định lại số tiền bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần cho người bị hại 05 tháng x 1.490.000đ/tháng = 7.450.000đ. Như vậy, tổng cộng các khoản bị cáo phải bồi thường cho người bị hại là 16.602.000 đồng.

[4] Đối với thương tích vùng ngực của người bị hại Dương Văn T1, thương tích của Dương Văn T 14% chưa được làm rõ , thương tích của bị cáo X là 12% do bị hại T1 gây ra: Xét thấy, tại Bản án Hình sự phúc thẩm số 49/2017/HSPT ngày 24/5/2017 của TAND tỉnh Phú Yên đã hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 03/2017/HSST ngày 16/01/2017 của TAND huyện Tuy An để điều tra lại nhưng đến nay vẫn chưa làm rõ được những vấn đề này. Đối với thương tích của bị cáo X 12% là do bị hại T1 gây ra, Cơ quan Điều tra và VKSND huyện Tuy An tiếp tục căn cứ theo lời khai của người bị hại để kết luận hành vi của bị hại T1 dùng cây đánh gây thương tích cho bị cáo X 12% trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nên hành vi của T1 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm là chưa có căn cứ vững chắc. Hành vi của Dương Văn T1 có dấu hiện phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Lẽ ra, cấp phúc thẩm có thể hủy

án sơ thẩm để điều tra lại nhằm làm rõ những vấn đề này, tuy nhiên, để đảm bảo tính ổn định của bản án nên không cần thiết phải tiếp tục hủy án sơ thẩm mà chấp nhận việc HĐXX sơ thẩm kiến nghị Cơ quan Điều tra và VKSND huyện Tuy An phải tiếp tục điều tra làm rõ những vấn đề nêu trên nhằm tránh bỏ lọt tội phạm, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Do thay đổi số tiền buộc bị cáo Xin phải bồi thường cho bị hại T1 nên xác định lại án phí DSST mà bị cáo phải chịu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 355, Điều 356; điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn X - Giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt; Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại Dương Văn T – Sửa án sơ thẩm về phần bồi thường dân sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn X phạm tội: “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng: khoản 2 Điều 104 của BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm đ khoản 2 Điều 134 và khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015;

Phạt: Bị cáo Trần Văn X – 02 (hai) năm tù, Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 590 BLDS;

Buộc bị cáo Trần Văn X phải bồi thường cho bị hại Dương Văn T1 16.602.000đ (Mười sáu triệu, sáu trăm lẻ hai nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ các Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Trần Văn X phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm và 830.000đ (Tám trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kiến nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Dương Văn T1 dùng cây gây thương tích cho Trần Văn X với tỷ lệ 12%.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa